

KẾ HOẠCH

Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện Vinh Cửu

Thực hiện Kế hoạch số 8217/KH-UBND ngày 18/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

UBND huyện Vinh Cửu xây dựng Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 nhằm các mục đích sau:

- Xác định hiện trạng diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính; hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng; quỹ đất chưa sử dụng; quỹ đất được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện;

- Đánh giá đúng thực trạng quản lý, sử dụng đất; tình hình biến động đất đai; tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt;

- Làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhất là việc điều chỉnh, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2020-2030. Cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu phục vụ việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải đánh giá được chính xác thực trạng sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính cấp xã và trên địa bàn toàn huyện;

- Các chỉ tiêu kiểm kê và hệ thống biểu kiểm kê đất đai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018; Quyết định số 1762/KH-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Kết quả kiểm kê đất đai phải thể hiện đầy đủ, chính xác trong bảng số liệu và trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất của 02 cấp (huyện, xã) dưới dạng giấy và dạng số.

II. Đối tượng, phạm vi, nguyên tắc kiểm kê đất đai

1. Đối tượng kiểm kê đất đai

Đối tượng kiểm kê đất đai bao gồm loại đất và đối tượng quản lý, sử dụng đất.

Loại đất kiểm kê bao gồm các loại đất theo quy định tại Điều 10, Luật Đất đai năm 2013; ngoài ra đặc biệt chú trọng kiểm kê tình hình sử dụng đất trồng lúa; đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu đô thị, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu ngập nước,...

Đối tượng kiểm kê đất đai bao gồm đối tượng đang sử dụng đất là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất theo quy định tại Điều 5, Luật Đất đai năm 2013; đối tượng được nhà nước giao quản lý đất theo quy định tại Điều 8, Luật Đất đai năm 2013; trong đó chú trọng kiểm kê đối với các tổ chức sự nghiệp và doanh nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị xã hội, đơn vị quốc phòng, an ninh đang sử dụng đất nông, lâm nghiệp; các tổ chức kinh tế sử dụng đất được nhà nước giao không thu tiền mà chưa chuyển sang giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Phạm vi kiểm kê đất đai

- Kiểm kê diện tích đất đai được tiến hành trên phạm vi toàn huyện theo từng cấp hành chính, trong đó xã, thị trấn là đơn vị cơ bản tiến hành kiểm kê đất đai. Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của cấp xã là cơ sở để tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện;

- Kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo phương án riêng, do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì xây dựng và thực hiện. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh thực hiện kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện theo phương án và chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn là các cơ quan phối hợp thực hiện.

3. Nguyên tắc kiểm kê đất đai

- Loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất được kiểm kê theo hiện trạng sử dụng tại thời điểm kiểm kê.

- Trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng tại thời điểm kiểm kê chưa sử dụng theo các quyết định này thì kiểm kê theo loại đất, loại đối tượng trong quyết định; đồng thời phải kiểm kê hiện trạng sử dụng theo biểu riêng để theo dõi quản lý theo quy định của pháp luật đất đai; trừ trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất nhưng chưa bàn giao đất trên thực địa vẫn được kiểm kê theo hiện trạng sử dụng.

- Trường hợp mục đích sử dụng đất hiện trạng đã thay đổi khác với mục đích sử dụng đất trên hồ sơ địa chính thì kiểm kê theo hiện trạng đang sử dụng,

đồng thời kiểm kê theo mục đích được ghi trên hồ sơ địa chính và tổng hợp các trường hợp này vào biểu riêng.

- Trường hợp đất đang sử dụng vào nhiều mục đích thì ngoài việc kiểm kê theo mục đích sử dụng chính, còn kiểm kê thêm các trường hợp sử dụng đất kết hợp vào các mục đích khác.

- Trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa và khoản 11 điều 2 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai thì vẫn kiểm kê theo loại đất trồng lúa; đồng thời kiểm kê diện tích đất trồng lúa đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng vào biểu riêng.

- Số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất được tổng hợp thống nhất từ bản đồ đã sử dụng để điều tra, khoanh vẽ đối với từng loại đất của từng loại đối tượng sử dụng đất.

- Diện tích các khoanh đất tính trên bản đồ kết quả điều tra kiểm kê đất đai cấp xã theo đơn vị mét vuông (m^2); số liệu diện tích trên các biểu kiểm kê đất đai thể hiện theo đơn vị hecta (ha); được làm tròn số đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy (0,01 ha) đối với cấp xã; làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy (0,1 ha) đối với cấp huyện.

III. Nội dung thực hiện kiểm kê đất đai

1. Nội dung thực hiện kiểm kê đất đai ở cấp xã

Nội dung kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã gồm:

1) Thành lập Tổ kiểm kê đất đai của cấp xã (gồm Lãnh đạo UBND cấp xã; công chức Địa chính; cán bộ ấp hoặc khu phố để phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường điều tra, đối soát hiện trạng sử dụng đất; viên chức thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường).

2) Phổ biến, tuyên truyền công tác kiểm kê đất đai.

3) Thu thập các tài liệu: bản đồ địa chính; bản đồ địa giới hành chính; số bộ địa chính; bản đồ hiện trạng sử dụng đất và biểu số liệu kiểm kê đất đai năm 2014; kết quả thống kê đất đai năm 2018; hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ năm 2015 đến nay trên địa bàn xã, thị trấn; Tiếp nhận bản tổng hợp các thửa đất biến động trong kỳ kiểm kê do Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển đến.

4) Đánh giá hiện trạng tài liệu, xử lý hoặc đề xuất xử lý những vấn đề còn tồn tại của kết quả thống kê đất đai hàng năm và kết quả kiểm kê đất đai năm 2014.

5) Xây dựng bản đồ nền: bản đồ nền xã, thị trấn được xây dựng trên cơ sở bản đồ thống kê đất đai năm 2018 và bản đồ địa chính.

6) Lập sổ điều tra ngoại nghiệp: sử dụng từ bản đồ kết quả điều tra năm 2014, số bộ chính đối chiếu với bản đồ địa chính để thống nhất các thông tin và xây dựng sổ điều tra.

Sổ điều tra được xây dựng và in riêng cho từng tờ bản đồ địa chính đối với xã, thị trấn có do đạc chính lý sau năm 2014 (xã Tân An, thị trấn Vĩnh An) hoặc in danh sách các khoanh đất theo từng trích khu của bản đồ nền đối với trường hợp không có do đạc, chính lý bản đồ địa chính sau năm 2014. Tại trang cuối của sổ điều tra người điều tra ký tên, Chủ tịch UBND xã, thị trấn ký xác nhận.

7) In ấn, chuẩn bị các tài liệu: in bản đồ nền, bản đồ địa chính hoặc bản đồ trích khu, sổ điều tra ngoại nghiệp để phục vụ công tác điều tra.

8) Điều tra ngoại nghiệp: sử dụng bản đồ nền, sổ điều tra ngoại nghiệp để điều tra, đối soát từng thửa đất, khoanh đất ở thực địa với các nội dung:

- Điều tra, xác định ranh giới quản lý, sử dụng đất thực tế của địa phương;
- Đối soát thực địa: xác định và khoanh vẽ chính lý, bổ sung các khoanh đất về ranh giới, loại đất (theo mục đích chính, mục đích phụ - nếu có), loại đối tượng sử dụng đất, loại đối tượng quản lý đất;

- Xác định và chính lý, bổ sung thông tin vào bản đồ điều tra kiểm kê các trường hợp có quyết định giao, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện và trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích;

Bên cạnh đó, điều tra chi tiết các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa, đặc biệt là đất chuyên trồng lúa nước; xác định diện tích đất lúa chuyên đổi cơ cấu cây trồng;

- + Quỹ đất công ích trên địa bàn xã với các chỉ tiêu như: đất công ích sử dụng vào mục đích nông nghiệp, đất công ích sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc để bồi thường tính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019); đất công ích hiện chưa cho thuê, cho mượn,...

- + Đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

- + Đất của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa trong lĩnh vực phi nông nghiệp;

- + Đất xây dựng nhà ở thương mại ;

- + Đất công trình sự nghiệp ngoài công lập ;

- + Đất công trình công cộng có mục đích kinh doanh ;

- + Đất bị sạt lở, bồi đắp.

9) Nhập, xử lý bản đồ, thông tin điều tra, thu thập; Chuyển vẽ, xử lý tiếp biên, đóng vùng, cập nhật thông tin khoanh đất, biên tập bản đồ kiểm kê, tính diện tích, bao gồm:

- Chuyển vẽ các khoanh đất từ kết quả khoanh vẽ thực địa lên bản đồ kiểm kê đất đai dạng số;

- Chính lý, bổ sung thông tin loại đất, loại đối tượng sử dụng đất theo chỉ tiêu kiểm kê chi tiết, chỉ tiêu tổng hợp và chỉ tiêu kiểm kê chuyên đề (nếu có) từ kết quả điều tra thực địa lên bản đồ kiểm kê đất đai dạng số;

- Ghép mảnh bản đồ điều tra kiểm kê theo phạm vi đơn vị hành chính;

- Tích hợp, tiếp biên, biên tập bản đồ kết quả điều tra kiểm kê; đóng vùng, tính diện tích các khoanh đất; trình bày, hoàn thiện bản đồ kiểm kê đất đai.

10) Lập biểu liệt kê các khoanh đất theo từng loại đất, từng loại đối tượng sử dụng, quản lý đất (theo hiện trạng và thời điểm kiểm kê kỳ trước); theo khu vực tổng hợp, bao gồm:

- Chiết xuất biểu liệt kê các khoanh đất từ bản đồ kiểm kê đất đai dạng số;

- Nhập bổ sung thông tin về loại đất cũ; loại đối tượng sử dụng, quản lý đất cũ và mới từ số dã ngoại.

11) Thu thập bổ sung các tài liệu, số liệu có liên quan đến tình hình quản lý, sử dụng đất, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của xã, thị trấn phục vụ quá trình xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp.

12) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 :

- Tổng hợp, khái quát hóa từ bản đồ kiểm kê đất đai;

- Biên tập, trình bày bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, chuẩn bị định dạng để phục vụ in bản đồ;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Hoàn thiện và in bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

13) Tổng hợp số liệu diện tích đất đai, lập hệ thống biểu kiểm kê đất đai theo hệ thống biểu mẫu quy định

14) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất và biến động sử dụng đất

- Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất: hiện trạng, cơ cấu sử dụng đất, chỉ số bình quân sử dụng đất; tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tình hình vi phạm trong sử dụng đất (chưa thực hiện quyết định giao đất, cho thuê đất, sử dụng đất không đúng mục đích; tình hình tranh chấp địa giới hành chính); hiện trạng đất ngập nước; tình hình chuyển đổi cơ cấu đất trồng lúa; tình hình sử dụng đất nông nghiệp công nghệ cao;

- Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất qua 10 năm, 05 năm;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh, đánh giá hiện trạng sử dụng đất.

15) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp xã

16) Kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã.

17) Ủy ban nhân dân cấp xã ký hồ sơ, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của cấp xã lên Ủy ban nhân dân huyện.

18) In, nhân sao, giao nộp sản phẩm kiểm kê đất đai của xã, thị trấn.

2. Nội dung thực hiện kiểm kê đất đai ở cấp huyện

2.1. Trước khi nhận được báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp xã

1) Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai trên địa bàn huyện;

2) Phổ biến, tuyên truyền công tác kiểm kê đất đai;

3) Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai rà soát, tổng hợp các trường hợp biến động về đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính trong kỳ kiểm kê đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo mẫu Phụ lục số 03.2 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT) chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 01/8/2019 để thực hiện kiểm kê đất đai; đồng thời tiếp tục tổng hợp các trường hợp biến động đất đai đã thực hiện xong thủ tục hành chính đến ngày 31/12/2019 để gửi bổ sung cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm kê đất đai;

4) Phối hợp với Ngành Quốc phòng, Công an trong việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh và tiếp nhận, kiểm tra thống nhất kết quả kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp;

5) Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện kiểm kê đất đai.

2.2. Sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp xã

1) Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã trước khi tiếp nhận;

2) Hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất (nếu có);

3) Tiếp nhận hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã giao nộp

4) Tổng hợp số liệu kiểm kê diện tích đất đai vào các biểu của cấp huyện theo quy định:

- Rà soát, xử lý số liệu tổng hợp của các địa phương đối với các khu vực tranh chấp, chồng, hở địa giới hành chính (nếu có);

- Tổng hợp số liệu vào các biểu kiểm kê đất đai cấp huyện;

- Kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu dạng giấy và dạng số.

5) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất và biến động sử dụng đất:

- Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất: hiện trạng, cơ cấu sử dụng đất, chỉ số bình quân sử dụng đất; tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tình hình vi phạm trong sử dụng đất (chưa thực hiện quyết định giao đất, cho thuê đất, sử dụng đất không đúng mục đích; tình hình tranh chấp địa giới hành chính); hiện trạng đất ngập nước; tình hình chuyển đổi cơ cấu đất trồng lúa; tình hình sử dụng đất nông nghiệp công nghệ cao;

- Phân tích, đánh giá biến động sử dụng đất đai qua các thời kỳ 10 năm, 05 năm;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất.

6) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của cấp huyện:

- Lập kế hoạch biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Tích hợp, tiếp biên, tổng hợp, khái quát hóa bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã; biên tập và trình bày bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Hoàn chỉnh và in bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

7) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai.

8) Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu kết quả kiểm kê đất đai.

9) Ủy ban nhân dân huyện ký hồ sơ, báo cáo kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 lên Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường): hoàn thành và giao nộp trước ngày 01/3/2020.;

10) In, sao; đóng gói, lưu trữ, giao nộp kết quả kiểm kê đất đai của cấp huyện.

IV. Thời gian thực hiện, thời hạn hoàn thành

1. Công tác điều tra ngoại nghiệp: thời gian thực hiện: ngày 01/8/2019 đến ngày 31/10/2019 và được cập nhật các trường hợp biến động về đất đai đến ngày 31/12/2019.

2. Công tác xử lý nội nghiệp: thực hiện chậm nhất đến ngày 10/01/2020.

3. Thời hạn hoàn thành

Thời hạn hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019:

- Cấp xã: hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16/01/2020.

- Cấp huyện: hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01/3/2020.

V. Công tác kiểm tra, ký xác nhận tài liệu, báo cáo kết quả, sản phẩm giao nộp

1. Trách nhiệm kiểm tra

- Tổ kiểm kê của cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tài liệu kiểm kê đất đai của cấp xã trước khi trình Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt và gửi UBND huyện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ của 1/3 tổng diện tích của mỗi đơn vị cấp xã trên địa bàn huyện và việc tổng hợp số liệu của tất cả các xã, thị trấn trong huyện trước khi trình UBND cấp huyện ký duyệt và gửi UBND tỉnh.

2. Nội dung kiểm tra

1) Mức độ đầy đủ của tài liệu, số liệu và tính pháp lý của hồ sơ kết quả

kiểm kê đất đai;

2) Tính đầy đủ, chính xác của việc khoanh vẽ các khoanh đất và xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất trên bản đồ kiểm kê đất đai của cấp xã;

3) Mức độ đầy đủ, chính xác của việc tổng hợp các khoanh đất trong Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai so với bản đồ kiểm kê đất đai và so với bản tổng hợp các trường hợp biến động đất đai đã được Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xác nhận;

4) Tính chính xác trong việc tổng hợp số liệu trong các biểu kiểm kê đất đai;

5) Tính thống nhất số liệu giữa các biểu kiểm kê đất đai với bản đồ kiểm kê đất đai của cấp xã; giữa các biểu số liệu kiểm kê của từng cấp; giữa biểu số liệu với báo cáo kết quả kiểm kê đất đai;

6) Chất lượng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất về mức độ đầy đủ, thống nhất các nội dung; chất lượng phân tích để phản ánh hiện trạng sử dụng đất; chất lượng nội dung đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng đất;

7) Chất lượng bản đồ hiện trạng sử dụng đất về hình thức, mức độ đầy đủ của nội dung và các địa danh; sự thống nhất giữa màu và ký hiệu loại đất; mức độ chính xác các khoanh đất trên bản đồ; mức độ sai lệch diện tích các loại đất giữa bản đồ hiện trạng sử dụng đất với số liệu kiểm kê; tính thống nhất số liệu giữa biểu kiểm kê với các băng, biểu đồ thuyết minh của bản đồ hiện trạng sử dụng đất của từng cấp.

3. Ký xác nhận tài liệu, báo cáo kết quả

1) Đối với sản phẩm kiểm kê đất đai cấp xã:

- Công chức địa chính cấp xã ký xác nhận các biểu kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã;

- Chủ tịch UBND cấp xã ký xác nhận tài liệu điều tra trên thực địa; ký xác nhận, phê duyệt các biểu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã gửi Ủy ban nhân dân huyện.

2) Đối với sản phẩm kiểm kê đất đai cấp huyện:

- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận các biểu kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện;

- Chủ tịch UBND huyện ký duyệt biểu kiểm kê đất đai số 01/TKĐĐ, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện gửi UBND tỉnh.

4. Sản phẩm giao nộp ở các cấp

1) Sản phẩm của cấp xã

- Bản đồ kiểm kê đất đai cấp xã file điện tích tạo vùng kết nối dữ liệu của bản đồ và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số);

- Bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê do Văn phòng Đăng ký đất đai gửi đến đã được Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát thực tế, xác nhận (01 bộ giấy);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp xã (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai của cấp xã (01 bộ giấy và 01 bộ số).

2) Sản phẩm của cấp huyện

- Bản đồ kiểm kê đất đai và Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai kèm theo (01 bộ số);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp xã (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã (01 bộ số);

- Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số);

- Báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất cấp huyện (01 bộ giấy và 01 bộ số).

VI. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện

- Ban hành Kế hoạch thực hiện, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các ban, ngành của huyện triển khai thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn theo Kế hoạch, Phương án của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo kiểm tra, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện; báo cáo kết quả kiểm kê trên địa bàn gửi UBND tỉnh đúng quy định.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu cho UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm kê đất đai.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện; xử lý hoặc đề xuất xử lý các vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện kiểm kê đất đai.

- Rà soát phạm vi địa giới hành chính; xác định các trường hợp đang có tranh chấp địa giới hoặc không thống nhất giữa hồ sơ địa giới với thực địa; xác

định các khu vực còn chừa, hờ của bản đồ địa chính so với bản đồ địa giới hành chính.

- Lập danh sách các dự án được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ năm 2015 đến nay.

- Phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai để cung cấp biến động từ khi triển khai đến hết ngày 31/12/2019 để để cập nhật vào tài liệu điều tra thực địa.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng kiểm kê đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án xây dựng nhà ở thương mại trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa, Công ty cổ phần tập đoàn Tân Mai, Vườn gia Cát Tiên kiểm kê đất lâm nghiệp.

- Rà soát kiểm kê diện tích đất lúa, diện tích đất lúa đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng quy định.

- Kiểm tra, thẩm định kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của cấp xã.

- Kiểm tra số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện; báo cáo kết quả kiểm kê trên địa bàn gửi UBND tỉnh.

3. Các phòng, ban, ngành

- Công an huyện, Ban Chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh kiểm kê đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với Ban Quản lý khu công nghiệp kiểm kê đất khu công nghiệp, phối hợp với Sở Công thương kiểm kê đất cụm công nghiệp, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm kê đất các dự án có xây dựng nhà ở thương mại trên địa bàn huyện.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa, Công ty cổ phần tập đoàn Tân Mai, Vườn gia Cát Tiên kiểm kê đất lâm nghiệp.

- Đài truyền thanh huyện tuyên truyền về công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập Tổ kiểm kê đất đai của xã (thị trấn) gồm công chức Địa chính xã (thị trấn), cán bộ ấp (khu phố), viên chức thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai;

- Rà soát, lập danh sách các trường hợp đã cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ trước đến nay. Xác định các khu vực còn chừa, hờ của bản đồ địa chính so với bản đồ địa giới hành chính;

- Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai điều tra, đối soát hiện trạng sử dụng đất, đối tượng quản lý, đối tượng sử dụng đất đến từng thửa đất.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong việc kiểm kê đất đai đất quốc phòng, an ninh.

- Lập danh sách các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện, danh sách các trường hợp mục đích sử dụng đất hiện trạng đã thay đổi khác với mục đích sử dụng đất trên hồ sơ địa chính.

- Rà soát đất chuyên trồng lúa nước, xác định đất chuyên trồng lúa nước bị thu hồi chuyển mục đích sử dụng cho các dự án, công trình trong 5 năm qua; diện tích đất lúa đã chuyển mục đích trái pháp luật, diện tích đất lúa đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng quy định.

- Kiểm tra số liệu kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã; báo cáo kết quả kiểm kê đất đai trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Căn cứ kế hoạch này, đề nghị UBND các xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; Trưởng các phòng, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo thực hiện hoàn thành kiểm kê đất đai theo kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND huyện để chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Huyện ủy (báo cáo);
- BCĐ kiểm kê đất đai (báo cáo);
- CT, PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn (t/hiện);
- Các phòng, ban huyện (t/hiện);
- Đài truyền thanh huyện;
- Lưu: VT, NL.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Phương

